

Số: 155 /CTGTSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn (GTS) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính Năm 2022 với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty CP Công Trình Giao Thông Sài Gòn
  - Mã chứng khoán : GTS
  - Địa chỉ : 476 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM
  - Điện thoại liên hệ : 028.38558649 - Fax : 028.38558649
  - Email: [ctgtsg@gmail.com](mailto:ctgtsg@gmail.com) Website : <http://www.giaothongsaigon.com.vn>
- Nội dung công bố thông tin
  - BCTC Năm 2022 theo quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:
    - BCTC văn phòng
    - BCTC riêng;
    - BCTC hợp nhất;
  - Trường hợp giải trình nguyên nhân
    - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC ( đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)
      - Có  không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  không
    - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại ( đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)
      - Có  không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  không
    - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
      - Có  không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại :

Có

không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/ 03 / 2023 tại đường dẫn: <http://www.giaothongsaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố

Đại diện tổ chức *kinh*

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Văn phòng năm 2022;
- BCTC Riêng năm 2022;
- BCTC Hợp nhất năm 2022.



*[Handwritten signature]*  
**Hoàng Anh Giao**





Member of MSI Global Alliance

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
GIAO THÔNG SÀI GÒN & CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
đã được kiểm toán



**Đơn vị kiểm toán:**

**Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Thành viên của tổ chức kiểm toán quốc tế MSI Global Alliance

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 02820 5944 - 028820 5947; Fax: (08) 02820 5942

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 06
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	07 - 08
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 36

5011  
CÔNG  
TNH  
H VU  
HINH  
KIEM  
PHIA  
T.P

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn tiền thân là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn, chủ sở hữu là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300460907 ngày 26/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 đăng ký lần đầu ngày 05/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/12/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : **284.997.640.000 đồng.**

Trụ sở : 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM

Ngày 18/01/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp mục đích bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố HCM, bảo trì công trình đường thủy nội địa.,
- Thực hiện công trình kinh doanh: Thi công xây dựng các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, điện lực; buro điện, thủy lợi.,
- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất và kinh doanh bê tông nhựa nóng và nhũ tương nhựa đường...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích : Duy tu, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Duy tu sửa chữa công trình thủy lợi, cây xanh, chiếu sáng, cầu cống thoát nước, xử lý nước thải (Mã ngành 4390)
- Thi công xây dựng công trình giao thông; bến bãi; cấp thoát nước, công trình dân dụng; công nghiệp; điện; chiếu sáng; buro điện; cây xanh và công trình thủy. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi (Mã ngành 4299)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng đường ô tô (Mã ngành 4933)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: Tư vấn xây dựng công trình giao thông nhóm B và C, tư vấn công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật (Mã ngành 7110)
- Mua bán các vật liệu xây dựng chuyên dụng chuyên ngành, tín hiệu giao thông nhóm B & C, tư vấn công trình cấp thoát nước (Mã ngành 4663)
- Sản xuất pano phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 7310)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Mã ngành 4211; 4212)
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022)
- Xây dựng nhà các loại: thi công xây dựng nhà xưởng, xây dựng dân dụng (Mã ngành 4102)
- Phá dỡ : phá dỡ các công trình thi công (Mã ngành 4311)
- Chuẩn bị mặt bằng: san lấp, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312)
- Thu gom rác thải không độc hại, rác thải độc hại (Mã ngành 3811, 3812)



- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê xe máy, thiết bị xây dựng (mã ngành 7730).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, vật liệu xây dựng (Mã ngành 7110).
- Sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất bê tông thương phẩm, trạm trộn bê tông, sản xuất nhũ tương, sản xuất tín hiệu giao thông (Mã ngành 2395, 1920, 2790).
- Dịch vụ thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ; Quản lý, trông coi nhà điều hành, trạm thu phí (Mã ngành 5225)
- Điều tiết, khống chế, thanh thải, chướng ngại vật, chống va trôi các đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; Hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa (Mã ngành 5222)

#### 4. Mô hình hoạt động

Công ty có 01 Công ty con, 14 xí nghiệp trực thuộc và Văn phòng công ty quản lý chung hoạt động của toàn Công ty. Mô hình hoạt động như sau:

##### Công ty con

- Đầu tư góp vốn thành lập : Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông số 1
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 0310994760 do SKH & ĐT TP. HCM cấp ngày 18/07/2011.
- Địa chỉ : 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Q.7 Tp.HCM.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 100%.
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu : 100%.

##### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm Văn phòng Công ty và 14 Xí nghiệp trực thuộc có địa chỉ tại trụ sở số 479 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. HCM, chức năng hoạt động kinh doanh của đơn vị trực thuộc như sau:

##### - Văn phòng Công ty

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý chung

##### - Xí nghiệp đường bộ 1

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất bê tông nhựa nóng, nhũ tương.

##### - Xí nghiệp đường bộ 4

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

##### - Xí nghiệp đường bộ 6

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

##### - Xí nghiệp công trình 2

Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng công trình

##### - Xí nghiệp công trình 3

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

##### - Xí nghiệp công trình 5

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất, lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông.

##### - Xí nghiệp công trình 6

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.



**- Xí nghiệp công trình 8**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp công trình 9**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp công trình 10**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp công trình thanh niên**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp công trình Hạ tầng Giao thông**

Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng công trình. Xí nghiệp được đổi tên từ Xí nghiệp Công trình Cấp thoát nước theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

**- Xí nghiệp Sản xuất Lắp đặt Hệ thống Tín hiệu Giao thông**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất, lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông.

**- Xí nghiệp Sản xuất Bê tông Nhựa nóng**

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất bê tông nhựa nóng.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

## IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2021, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Minh Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Giao	Thành viên
Ông Trần Thanh Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Thụ	Thành viên
Ông Võ Anh Tú	Thành viên

**Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Ông Hoàng Ngọc Hưng	Thành viên
Ông Bùi Thống Nhất	Thành viên

**Thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:**

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Anh Giao	Tổng Giám đốc
Ông Phan Minh Hải Lăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Ông Hoàng Anh Giao	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**Kế toán trưởng**

Bà Phan Thị Tú Trinh	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**V. KIỂM TOÁN VIÊN:**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

**VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY:**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.





## VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

TP.HCM, Duyệt Ngày 17 tháng 01 năm 2023

TM. Ban Tổng giám đốc *hnh*

Tổng Giám đốc



*Hoàng Anh Giao*  
Hoàng Anh Giao



Số: 48 /BCKT/TC/2023 /AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn & Công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo của Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn và Công ty con, (gọi chung là " Công ty" ) , được lập ngày 17 tháng 01 năm 2023, từ trang 09 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Trình Giao thông Sài Gòn và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý về việc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phê duyệt các báo cáo quyết toán đối với các công trình “Đặt hàng cung ứng SPDVCI công tác khoán quản lý, duy tu thường xuyên hệ thống đường bộ” thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, trước khi cổ phần hoá từ năm 2013 đến tháng 4 năm 2016 với giá trị trước thuế tạm tính là 33.999.672.727 đồng, được trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính mục VIII.1.1 “Những thông tin tài chính khác”.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

TP. HCM, Ngày 06 tháng 3 năm 2023  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Phó Tổng Giám đốc

**Tạ Quang Long**

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

**Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2023-142-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>841.467.097.098</b>	<b>689.894.732.116</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>137.443.822.550</b>	<b>179.662.139.503</b>
Tiền	111		137.443.822.550	135.662.139.503
Các khoản tương đương tiền	112		-	44.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2.1	<b>700.000.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		700.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>618.188.076.438</b>	<b>408.492.824.860</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	600.830.289.177	414.695.324.350
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.825.895.121	31.228.347.793
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	32.242.866.168	14.649.341.629
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(63.710.974.028)	(52.080.188.912)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>80.128.162.669</b>	<b>101.504.949.669</b>
Hàng tồn kho	141		80.128.162.669	101.504.949.669
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.007.035.441</b>	<b>234.818.084</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.1	-	4.960.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	-	22.530.340
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	5.007.035.441	207.327.744
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>199.268.928.924</b>	<b>219.941.203.045</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.870.942.965</b>	<b>31.308.637.282</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	15.870.942.965	31.308.637.282
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>162.465.710.429</b>	<b>160.722.865.033</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	162.465.710.429	160.722.865.033
- Nguyên giá	222		355.212.686.932	347.810.544.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.746.976.503)	(187.087.679.822)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		754.691.819	754.691.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(754.691.819)	(754.691.819)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.932.275.530</b>	<b>27.909.700.730</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.2	20.932.275.530	27.909.700.730
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.040.736.026.022</b>	<b>909.835.935.161</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>			<b>729.148.185.437</b>	<b>587.345.782.430</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>723.350.947.748</b>	<b>581.242.807.430</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	225.463.660.470	221.651.053.195
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	222.435.448.525	135.691.902.941
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.998.696.559	7.775.050.823
Phải trả người lao động	314		34.095.993.512	32.326.425.816
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	230.620.042.984	175.340.894.541
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.737.105.698	8.457.480.114
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.797.237.689</b>	<b>6.102.975.000</b>
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		5.797.237.689	6.102.975.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>311.587.840.585</b>	<b>322.490.152.731</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>310.667.522.920</b>	<b>321.563.331.066</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.997.640.000	284.997.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.997.640.000	284.997.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.011.577	711.011.577
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.974.873.292	12.974.873.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.983.998.051	22.879.806.197
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		217.139.578	195.649.906
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.766.858.473	22.684.156.291
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>920.317.665</b>	<b>926.821.665</b>
Nguồn kinh phí	431	V.15	920.317.665	926.821.665
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.040.736.026.022</b>	<b>909.835.935.161</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

TP.HCM, Ngày 17 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Giao



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.319.676.336.802	1.242.533.068.073
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.319.676.336.802</b>	<b>1.242.533.068.073</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.219.963.617.434	1.146.940.390.067
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>99.712.719.368</b>	<b>95.592.678.006</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.802.677.009	2.856.784.923
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.6.1	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.2	70.464.349.162	65.137.293.675
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>31.051.047.215</b>	<b>33.312.169.254</b>
Thu nhập khác	31	VI.4	3.114.063.032	1.508.483.700
Chi phí khác	32	VI.5	367.433.478	1.130.110.957
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.746.629.554</b>	<b>378.372.743</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>33.797.676.769</b>	<b>33.690.541.997</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	6.773.219.074	6.988.433.368
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>27.024.457.695</b>	<b>26.702.108.629</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	811	689
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	811	689

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

TP.HCM, Ngày 17 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Giao

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	33.797.676.769	33.690.541.997
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.131.634.514	18.762.636.956
- Các khoản dự phòng	03	11.630.785.116	8.159.901.871
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.069.328.523)	(3.324.170.231)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(305.737.311)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.185.030.565	57.288.910.593
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(210.759.438.911)	(151.556.915.186)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	21.376.787.000	(33.184.623.678)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	131.767.095.567	184.327.874.071
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.982.385.200	8.920.304.184
- Thuế TNDN đã nộp	15	(6.594.677.483)	(11.514.837.391)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.399.943.561)	(6.477.398.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.442.761.623)	47.803.313.641
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(19.874.479.910)	(33.997.758.800)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn	22	1.413.000.000	460.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(700.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.896.596.186	3.049.882.184
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(17.264.883.724)	(30.487.876.616)
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.510.671.606)	(34.141.839.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.510.671.606)	(34.141.839.058)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(42.218.316.953)	(16.826.402.033)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	179.662.139.503	196.488.541.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>137.443.822.550</b>	<b>179.662.139.503</b>

TP.HCM, Ngày 17 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Phượng

Phan Thị Tú Trinh

Hoàng Anh Giao



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn tiền thân là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn, chủ sở hữu là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300460907 ngày 26/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 đăng ký lần đầu ngày 05/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/12/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 284.997.640.000 đồng.

Trụ sở : 476 Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM

Ngày 18/01/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp mục đích bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố HCM, bảo trì công trình đường thủy nội địa.,

- Thực hiện công trình kinh doanh: Thi công xây dựng các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, điện lực; bưu điện, thủy lợi.,

- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất và kinh doanh bê tông nhựa nóng và nhũ tương nhựa đường...

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, với sự biến động liên tục tăng về giá vật liệu đầu vào, nguồn cung xăng, dầu, nhựa trong nước bị khan hiếm, chi phí vận chuyển tăng, sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường sản xuất, tỉ lệ tham gia đấu thầu tăng, cơ cấu định mức thay đổi (trực phí khác theo quy định mới không có)... đã ảnh hưởng tác động nhiều đến tổng chi phí của Công ty.

Công ty đa phần thực hiện các hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích và thi công các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước nên công tác quyết toán kéo dài và khi có các chính sách thay đổi sẽ ảnh hưởng nhiều đến giá trị quyết toán, làm thay đổi kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 5. Mô hình hoạt động

Công ty có 01 Công ty con, 14 xí nghiệp trực thuộc và Văn phòng công ty quản lý chung hoạt động của toàn Công ty.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn sẽ bắt đầu từ ngày 5/5/2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016 khi chính thức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở hợp nhất

##### a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty con được thành lập theo quyết định số 45/QĐ-HĐQT ký ngày 23 tháng 11 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn phê duyệt. Việc thành lập công ty được thực hiện thông qua việc mua lại vốn của Công ty TNHH Xây dựng Phương Nam Việt, là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp từ năm 2011 đến thời điểm đầu tư. Do vậy, ngày Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ sẽ được hợp nhất kể từ ngày 23/11/2016.

##### b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

##### e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



#### f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

##### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

##### b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:**

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Dự phòng cho hàng tồn kho** được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kén phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 08 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý        | 03 - 06 năm |
| - Các tài sản khác                | 04 năm      |
| - Tài sản vô hình khác            | 03 - 06 năm |



## 7. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng :

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### **Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện Hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



### Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu xây dựng

Việc điều chỉnh giảm doanh thu xây dựng khi nhận quyết định phê duyệt quyết toán giảm chi phí xây dựng hoàn thành của Chủ đầu tư và các Cấp có thẩm quyền.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ cho các bộ phận kinh doanh của Công ty theo tiêu thức doanh thu hoặc lợi nhuận.

### 17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

### Công ty sau đây được xem là bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC	Việt Nam	Cổ đông lớn



## 19. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

## 20. Thông tin về báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý (Doanh thu hoặc lợi nhuận).

### 20.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chỉ có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 20.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	585.472.544.200	486.506.429.870
- Doanh thu thi công công trình	706.500.519.160	727.808.705.247
- Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng	27.703.273.442	28.217.932.956
<b>Cộng</b>	<b><u>1.319.676.336.802</u></b>	<b><u>1.242.533.068.073</u></b>

## 21. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

### Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Tiền mặt</b>	<b>181.505.017</b>	<b>335.332.151</b>
Văn phòng Công ty	126.761.422	307.238.205
Các Xí nghiệp trực thuộc	53.484.121	27.471.242
Công ty con	1.259.474	622.704
<b>- Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>137.262.317.533</b>	<b>135.326.807.352</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>136.685.601.273</b>	<b>133.428.157.791</b>
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	24.541.657.026	99.383.115.154
Ngân hàng An Bình TP.HCM	73.765.654	1.927.434
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	82.931.694	177.073.298
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	88.615.524	89.416.509
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2.471.948.517	2.549.473.286
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn	109.317.858.890	31.118.328.142
Kho bạc TP.HCM	108.823.968	108.823.968
<b>Các Xí nghiệp trực thuộc</b>	<b>406.256.702</b>	<b>1.807.230.732</b>
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	406.256.702	1.807.230.732
<b>Công ty con</b>	<b>170.459.558</b>	<b>91.418.829</b>
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	1.217.443	1.217.443
Ngân hàng TMCP VIB - PGD Trần Nhân Tôn	1.254.964	90.008.627
Ngân hàng TMCP MB- CN Bắc Sài Gòn	167.987.151	192.759
<b>- Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>44.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	-	29.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn - CN Quận 5	-	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN.Sài Gòn	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>137.443.822.550</u></b>	<b><u>179.662.139.503</u></b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>2.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng BIDV	700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>700.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



### 3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

#### 3.1 Ngắn hạn

##### + Phải thu khách hàng công ty mẹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
TT QL Hạ Tầng GT Đường Bộ -P1	119.042.500	119.042.500
TT QL Hạ Tầng GT Đường Bộ -P3	5.465.287.000	5.465.287.000
TT QL Hạ Tầng GT Đường Bộ -P4	2.581.418.379	2.581.418.379
TTQL Hạ Tầng GT Đường bộ	298.799.356.121	142.561.735.248
Ban QLDA ĐT XD các công trình giao thông	30.477.620.315	24.010.803.485
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	1.601.909.960	1.601.909.960
Công ty TNHH TMDV VT XD GT T&T	37.966.384.429	37.667.440.429
CTy TNHH Xây dựng Giao thông MBM	10.230.631.000	13.710.631.000
Công ty Cổ Phần Phát Tiên Bất Động Sản Phát Đạt	24.306.050.766	24.306.050.766
Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh	9.813.411.077	3.375.551.769
CN TCT Điện Lực TP HCM-BQL DA lưới điện PP TPHCM	8.382.771.810	6.461.054.406
Các khoản phải thu khách hàng khác	168.285.899.023	152.447.407.408
<b>+ Phải thu khách hàng công ty con</b>	<b>2.800.506.797</b>	<b>386.992.000</b>
Ban Quản Lý Dự Án Đầu tư Xây Dựng Khu Vực Quận Gò Vấp	53.157.620	386.992.000
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu tư Xây dựng Trần Lê	405.035.584	-
Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh	1.607.952.788	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	734.360.805	-
<b>Cộng</b>	<b>600.830.289.177</b>	<b>414.695.324.350</b>

#### 3.2 Dài hạn

#### 3.3 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

### 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>4.1 Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	796.719.479	-	815.805.661	-
- Phải thu khác Văn phòng Công ty	24.430.588.207	5.907.189.853	7.345.250.633	5.559.417.698
+ Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	-	-	93.919.177	-
+ Xí nghiệp công trình 4	1.185.994.938	1.185.994.938	1.185.994.938	743.222.783
+ Xí nghiệp công trình 7	4.721.194.915	4.721.194.915	4.816.194.915	4.816.194.915
+ Phải thu từ NSNN đang chờ xử lý	17.367.853.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.155.545.354	-	1.249.141.603	-
<b>- Phải thu khác từ Xí nghiệp</b>	<b>5.436.176.579</b>	<b>-</b>	<b>6.488.285.335</b>	<b>-</b>
+ Xí nghiệp đường bộ 1	1.174.264.991	-	1.827.604.053	-
+ Xí nghiệp đường bộ 3	39.244.052	-	468.412.651	-
+ Xí nghiệp đường bộ 8	309.713.958	-	590.490.931	-
+ Xí nghiệp sản xuất BTNN	44.514.591	-	40.765.084	-
+ Đối tượng khác	3.868.438.987	-	3.561.012.616	-
<b>- Phải thu khác từ Công ty con</b>	<b>1.579.381.903</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+ Lý Thành Nhơn	1.400.000.000	-	-	-
+ Ký quỹ	179.381.903	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.242.866.168</b>	<b>5.907.189.853</b>	<b>14.649.341.629</b>	<b>5.559.417.698</b>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>4.2 Dài hạn</b>				
- Ký quỹ, ký cược	15.870.942.965	-	31.308.637.282	-
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P1	3.443.123.622	-	7.122.850.405	-
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P2	2.240.495.438	-	4.081.204.853	-
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P3	4.378.902.322	-	8.728.146.414	-
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P4	2.502.732.540	-	8.455.197.464	-
+ TT QL Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM	328.179.611	-	-	-
+ TTQL ĐH Giao Thông Đô Thị	918.281.840	-	918.281.840	-
+ Ngân hàng MB	-	-	1.100.000.000	-
+ Cục quản lý đường bộ IV	694.632.592	-	49.536.306	-
+ Công ty TNHH TMDV TC XD Cầu Đường Hồng An	300.000.000	-	300.000.000	-
+ TT Quản lý Đường thủy	1.064.595.000	-	553.420.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.870.942.965</b>	<b>-</b>	<b>31.308.637.282</b>	<b>-</b>

5 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P1	1.702.930.816	1.702.930.816	1.702.930.816	1.702.930.816
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P3	6.270.680.915	6.270.680.915	6.270.680.915	6.270.680.915
+ TT QL HT GT Đường Bộ - P4	2.900.013.620	2.900.013.620	2.846.295.373	2.745.924.136
+ Tổng Công Ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	1.571.092.752	1.571.092.752	1.481.387.723	1.471.505.482
+ CTCP ĐT&XD CT Nước (Wasaco)	90.106.278	90.106.278	90.106.278	90.106.278
+ CTy TNHH XD CT An Cường	267.581.500	267.581.500	267.581.500	267.581.500
+ CTy CP Cấp nước Gia Định	323.308.335	323.308.335	393.786.335	323.308.335
+ Xí nghiệp công trình 7	4.721.194.915	4.721.194.915	4.881.194.915	4.881.194.915
+ Xí Nghiệp Công Trình 4	1.928.349.204	1.928.349.204	1.928.349.204	1.928.349.204
+ Công ty CP CTGT 60	523.598.000	523.598.000	523.598.000	523.598.000
+ CTy TNHH XD GT MBM	10.230.631.000	7.031.237.000	13.710.631.000	5.859.245.700
+ Công ty TNHH TMDV VT XD GT T&T	35.622.321.386	23.517.174.970	16.392.710.693	16.392.710.693
+ Trung tâm Quản lý Đường thủy	1.449.188.000	434.756.400	2.026.167.432	2.026.167.432
+ Trung tâm QL ĐH Giao thông Đô	2.333.295.486	1.633.306.840	2.333.295.486	1.166.647.743
+ BQLDA ĐT XD các CT Giao thông	3.733.659.915	2.927.745.415	4.400.574.289	3.594.659.789
+ Công ty Cổ Phần Phát Tiến Bất Động Sản Phát Đạt	10.312.198.603	5.156.099.302	-	-
+ Đối tượng khác	4.069.428.824	2.711.797.766	2.835.577.974	2.835.577.974
- Khả năng thu hồi nợ phải thu:				
<b>Cộng</b>	<b>88.049.579.549</b>	<b>63.710.974.028</b>	<b>62.084.867.933</b>	<b>52.080.188.912</b>

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	22.541.425.289	-	29.960.545.227	-
- Công cụ, dụng cụ	10.972.908	-	11.258.125	-
- Chi phí SXKD dở dang	57.575.764.472	-	71.533.146.317	-
<b>Cộng</b>	<b>80.128.162.669</b>	<b>-</b>	<b>101.504.949.669</b>	<b>-</b>

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị xây dựng	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	70.990.256.136	180.569.432.695	95.174.739.205	1.044.006.273	32.110.546	347.810.544.855
Số tăng trong năm	-	2.692.942.424	17.110.537.486	71.000.000	-	19.874.479.910
- Mua trong năm	-	2.692.942.424	17.110.537.486	71.000.000	-	19.874.479.910
Số giảm trong năm	-	4.575.868.409	7.896.469.424	-	-	12.472.337.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.575.868.409	7.896.469.424	-	-	12.472.337.833
Số dư cuối năm	70.990.256.136	178.686.506.710	104.388.807.267	1.115.006.273	32.110.546	355.212.686.932
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.430.478.978	109.862.936.181	70.205.760.324	556.393.793	32.110.546	187.087.679.822
Số tăng trong năm	1.624.535.220	11.388.243.552	4.949.029.987	169.825.755	-	18.131.634.514
- Khấu hao trong năm	1.624.535.220	11.388.243.552	4.949.029.987	169.825.755	-	18.131.634.514
Số giảm trong năm	-	4.575.868.409	7.896.469.424	-	-	12.472.337.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.575.868.409	7.896.469.424	-	-	12.472.337.833
Số dư cuối năm	8.055.014.198	116.675.311.324	67.258.320.887	726.219.548	32.110.546	192.746.976.503
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	64.559.777.158	70.706.496.514	24.968.978.881	487.612.480	-	160.722.865.033
Tại ngày cuối năm	62.935.241.938	62.011.195.386	37.130.486.380	388.786.725	-	162.465.710.429

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay - VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (\*) 100.776.083.210 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý - VND

(\*) Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng xe máy thiết bị nên một số tài sản cố định đã khấu hao hết Công ty vẫn tiếp tục sử dụng.

**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	146.129.900	498.056.103	110.505.816	754.691.819
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	146.129.900	498.056.103	110.505.816	754.691.819
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	146.129.900	498.056.103	110.505.816	754.691.819
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	146.129.900	498.056.103	110.505.816	754.691.819
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay - VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết (\*) 754.691.819 VND
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác - VND



**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>9.1. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí khác - phân bổ chi phí quản lý	-	4.960.000
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>4.960.000</u>
<b>9.2. Dài hạn</b>		
- Lợi thế kinh doanh (*)	20.932.275.530	27.909.700.730
<b>Cộng</b>	<u>20.932.275.530</u>	<u>27.909.700.730</u>

(\*) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á và được phân bổ không quá 10 năm kể từ khi Doanh Nghiệp chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>10.1. Ngắn hạn:</b>				
<b>a. Văn phòng Công ty</b>	<b>50.399.950.991</b>	<b>50.399.950.991</b>	<b>34.784.586.648</b>	<b>34.784.586.648</b>
- CTCP TM và XNK Vật tư Giao thông (TRATIMEX)	11.278.701.500	11.278.701.500	12.675.793.460	12.675.793.460
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex- CN	6.572.563.800	6.572.563.800	4.795.137.600	4.795.137.600
- Công ty TNHH Đinh Phương Nam	3.098.395.590	3.098.395.590	1.080.680.000	1.080.680.000
- Công ty CP Đầu Tư XD Và Thương Mại Quốc Tế	-	-	1.516.977.000	1.516.977.000
- Công ty TNHH TM DV VT XD Giao thông T&T	2.065.211.558	2.065.211.558	2.151.346.093	2.151.346.093
- Công ty TNHH TM DV TC XD Cầu Đường Hồng An	6.490.826.157	6.490.826.157	5.126.608.212	5.126.608.212
- Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Anh Dương	4.437.773.530	4.437.773.530	2.006.477.110	2.006.477.110
Phải trả các đối tượng khác	16.456.478.856	16.456.478.856	5.431.567.173	5.431.567.173



10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Các Xí nghiệp trực thuộc</b>	<b>171.719.909.569</b>	<b>171.719.909.569</b>	<b>186.048.460.792</b>	<b>186.048.460.792</b>
- Xí nghiệp đường bộ 1	41.629.466.972	41.629.466.972	60.853.181.114	60.853.181.114
- Xí nghiệp đường bộ 4	12.847.911.553	12.847.911.553	13.361.708.317	13.361.708.317
- Xí nghiệp đường bộ 6	28.766.264.635	28.766.264.635	37.716.628.446	37.716.628.446
- Xí nghiệp SXLD THGT	3.251.550.740	3.251.550.740	2.176.958.565	2.176.958.565
- Xí nghiệp Sản xuất BTNN	29.469.183.466	29.469.183.466	21.197.409.037	21.197.409.037
- Xí nghiệp Công trình 2	954.770.419	954.770.419	794.595.300	794.595.300
- Xí nghiệp Công trình 3	1.458.143.947	1.458.143.947	2.000.958.762	2.000.958.762
- Xí nghiệp Công trình 5	6.618.227.150	6.618.227.150	2.362.059.007	2.362.059.007
- Xí nghiệp Công trình 6	9.968.668.136	9.968.668.136	2.359.663.268	2.359.663.268
- Xí nghiệp Công trình 8	7.795.863.649	7.795.863.649	17.793.680.545	17.793.680.545
- Xí nghiệp Công trình 9	2.266.998.221	2.266.998.221	4.509.711.407	4.509.711.407
- Xí nghiệp Công trình 10	6.237.658.773	6.237.658.773	5.705.537.549	5.705.537.549
- Xí nghiệp CT Thanh niên	19.665.848.848	19.665.848.848	14.427.016.415	14.427.016.415
- Xí nghiệp CT Hạ tầng giao thông	789.353.060	789.353.060	789.353.060	789.353.060
<b>c. Công ty Con</b>	<b>3.343.799.910</b>	<b>3.343.799.910</b>	<b>818.005.755</b>	<b>818.005.755</b>
- Công ty TNHH Đại Kim Phát	256.480.400	256.480.400	240.039.250	240.039.250
- Công ty XD GT DV VT Miền Nam	-	-	91.520.000	91.520.000
- Công ty TNHH XD PT Kiến Tường	-	-	161.216.000	161.216.000
- HTX VT và TC CG Số 6	448.038.000	448.038.000	201.300.000	201.300.000
- Khách hàng khác	2.639.281.510	2.639.281.510	123.930.505	123.930.505
<b>Cộng</b>	<b>225.463.660.470</b>	<b>225.463.660.470</b>	<b>221.651.053.195</b>	<b>221.651.053.195</b>

10.2. Phải trả người bán là các bên liên quan:

## 11 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Thuế phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Phát sinh tăng	Số đã cản trừ	Số đã nộp	Thuế phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng - Công ty mẹ	-	5.773.870.262	107.708.389.157	102.786.205.946	12.820.113.660	2.124.060.187	-
- Thuế giá trị gia tăng - Công ty con	22.530.340		1.512.325.481	1.359.209.689	1.391.489	-	129.193.963
- Thuế thu nhập doanh nghiệp - Công ty Mẹ	-	1.674.737.851	6.730.617.953	-	6.578.373.716	-	1.826.982.088
- Thuế thu nhập doanh nghiệp - Công ty con		16.223.154	42.601.121		16.303.767	-	42.520.508
- Thuế thu nhập cá nhân	-	310.219.556	42.655.985		3.028.523.051	2.675.647.510	-
- Thuế nhà đất	-	-	6.506.820	-	6.506.820	-	-
- Tiền thuê đất	-	-	1.020.853.325	-	1.020.853.325	-	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác - Công ty mẹ	207.327.744	-	30.018.600	-	30.018.600	207.327.744	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác - Công ty con	-	-	2.000.000		2.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>229.858.084</b>	<b>7.775.050.823</b>	<b>117.095.968.442</b>	<b>104.145.415.635</b>	<b>23.504.084.428</b>	<b>5.007.035.441</b>	<b>1.998.696.559</b>

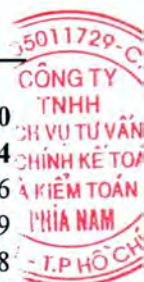
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>12.1 Khách hàng Công ty mẹ</b>	<b>222.435.448.525</b>	<b>133.688.402.941</b>
+ BQLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	29.653.031.486	12.997.401.448
+ Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn TNHH MTV	35.073.025.426	43.649.194.849
+ Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	3.241.860.000	5.007.021.921
+ BQLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô Thị	96.697.694.111	44.207.953.769
+ BQLDA đầu tư xây dựng khu vực Huyện Bình Chánh	29.699.258.000	-
+ BQLDA đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	8.169.241.800	-
+ Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV	-	9.062.589.650
+ BQLDA đầu tư xây dựng thành phố Thủ Dầu Một	12.276.633.000	-
+ Đối tượng khác	7.624.704.702	18.764.241.304
<b>12.2 Khách hàng Công ty con</b>	<b>-</b>	<b>2.003.500.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>222.435.448.525</u></b>	<b><u>135.691.902.941</u></b>

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>13.1. Ngắn hạn</b>		
- Phải trả về cổ phần hóa - phải nộp về HFIC	<b>156.381.600</b>	<b>156.381.600</b>
- Phải trả ngắn hạn khác của Văn phòng	<b>29.515.031.948</b>	<b>17.098.671.944</b>
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh	5.586.000.000	1.674.022.466
+ Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh	7.120.660.129	7.120.660.129
+ Xí nghiệp Đường bộ 1	71.715.188	91.607.108
+ Xí nghiệp Đường bộ 4	266.818.687	271.885.687
+ Xí nghiệp Công trình 1	980.618.509	980.618.509
+ Xí nghiệp Công trình 2	352.323.008	352.323.008
+ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	1.112.022.678	1.112.022.678
+ Xí nghiệp Công trình 4	1.333.989.177	1.333.989.177
+ Cổ đông khác (cổ tức phải trả)	106.770.642	85.905.362
+ Đối tượng khác	12.584.113.930	4.075.637.820
- Phải trả ngắn hạn khác của Xí nghiệp	<b>200.927.679.259</b>	<b>157.031.573.214</b>
+ Xí nghiệp Đường Bộ 1	60.109.433.080	30.403.967.033
+ Xí nghiệp Đường Bộ 4	28.871.007.732	42.283.498.579
+ Xí nghiệp Đường Bộ 6	4.224.619.606	2.092.024.054
+ Xí nghiệp SXLD HTTH GT	4.274.596.623	3.785.590.999
+ Xí nghiệp sản xuất bê tông nhựa nóng	25.792.171.528	14.319.590.301
+ Xí nghiệp công trình 2	6.272.123.880	5.212.034.445
+ Xí nghiệp công trình 3	13.739.361.790	14.400.440.719
+ Xí nghiệp công trình 5	3.003.896.004	2.914.814.325
+ Xí nghiệp công trình 6	11.106.656.416	7.746.682.827
+ Xí nghiệp công trình 8	25.241.443.550	18.485.121.438
+ Xí nghiệp công trình 9	1.339.567.728	2.982.917.022
+ Xí nghiệp công trình 10	5.997.476.018	2.532.984.146
+ Xí nghiệp công trình thanh niên	10.838.117.757	9.871.906.659
+ Xí nghiệp Công trình Hệ thống Giao thông	117.207.547	667
- Phải trả ngắn hạn khác của Công ty con	<b>20.950.177</b>	<b>1.054.267.783</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>230.620.042.984</u></b>	<b><u>175.340.894.541</u></b>
<b>13.2. Dài hạn</b>	-	-
<b>13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-





#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước tại ngày 01/01/2021</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>-</b>	<b>50.300.612.853</b>	<b>336.009.264.430</b>
- Lợi nhuận trong năm		-	-	26.702.108.629	26.702.108.629
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển			12.974.873.292	(12.974.873.292)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(6.976.824.957)	(6.976.824.957)
- Phân phối cổ tức				(34.171.217.036)	(34.171.217.036)
<b>Số dư cuối năm trước tại ngày 31/12/2021</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>22.879.806.197</b>	<b>321.563.331.066</b>
<b>Số dư đầu năm nay tại ngày 01/01/2022</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>22.879.806.197</b>	<b>321.563.331.066</b>
- Lợi nhuận trong năm				27.024.457.695	27.024.457.695
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021				(82.637.989)	(82.637.989)
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022				(3.922.908.692)	(3.922.908.692)
- Phân phối cổ tức năm 2021				(22.514.813.560)	(22.514.813.560)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022				(11.399.905.600)	(11.399.905.600)
<b>Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>11.983.998.051</b>	<b>310.667.522.920</b>

**14 . b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>% Tỷ lệ</u>	<u>Số lượng CP</u>	<u>Giá trị vốn góp</u>
- Vốn góp của HFIC	49%	13.965.000	139.650.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	51%	14.534.764	145.347.640.000
	<b>100%</b>	<b>28.499.764</b>	<b>284.997.640.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	284.997.640.000	284.997.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	284.997.640.000	284.997.640.000

<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>22.514.813.560</b>	<b>34.171.217.036</b>
------------------------------------	-----------------------	-----------------------

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>28.499.764</b>	<b>28.499.764</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	28.499.764	28.499.764
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**15 . NGUỒN KINH PHÍ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>- Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>926.821.665</b>	<b>926.821.665</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		-
- Chi sự nghiệp	(6.504.000)	-
<b>- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>920.317.665</b>	<b>926.821.665</b>

**16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
16.1. Tài sản thuê ngoài	-	-
16.2. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
16.3. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY:**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>1.1. Doanh thu</b>		
- Doanh thu quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	585.472.544.200	486.506.429.870
- Doanh thu thi công công trình	706.500.519.160	727.808.705.247
- Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng	27.703.273.442	28.217.932.956
<b>Cộng</b>	<b><u>1.319.676.336.802</u></b>	<b><u>1.242.533.068.073</u></b>

**1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan**

-

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	508.566.805.172	416.202.116.451
- Giá vốn thi công công trình	684.271.311.664	702.843.764.288
- Giá vốn sản xuất bê tông nhựa nóng	27.125.500.598	27.894.509.328
<b>Cộng</b>	<b><u>1.219.963.617.434</u></b>	<b><u>1.146.940.390.067</u></b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.802.677.009	2.856.784.923
- Cổ tức nhận được trong kỳ	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.802.677.009</u></b>	<b><u>2.856.784.923</u></b>

**4. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.266.651.514	380.680.566
- Cho thuê xe, máy thi công	497.073.000	551.642.000
- Các khoản thu nhập khác	1.350.338.518	576.161.134
<b>Cộng</b>	<b><u>3.114.063.032</u></b>	<b><u>1.508.483.700</u></b>

**5. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Chi phí máy thi công cho thuê xe máy	343.411.535	1.039.498.887
- Các khoản chi phí khác	24.021.943	90.612.070
<b>Cộng</b>	<b><u>367.433.478</u></b>	<b><u>1.130.110.957</u></b>



**6 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>6.1. Chi phí bán hàng</b>	-	-
<b>6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>70.464.349.162</b>	<b>65.137.293.675</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	29.899.629.770	27.422.633.281
- Chi phí vật liệu quản lý	1.277.310.501	1.074.479.214
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.173.165.781	2.748.543.680
- Trích và hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(305.737.311)	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.586.691.239	2.742.628.234
- Thuế, phí và lệ phí	1.547.971.483	1.259.185.187
- Chi phí dự phòng	18.035.155.551	8.557.857.527
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.404.370.435)	(397.955.656)
- Chi phí khác bằng tiền	7.145.585.492	7.189.762.968
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.508.947.091	14.540.159.240
<b>Cộng</b>	<b><u>70.464.349.162</u></b>	<b><u>65.137.293.675</u></b>

**7 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.773.219.074	6.988.433.368
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.773.219.074</u></b>	<b><u>6.988.433.368</u></b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.797.676.769</b>	<b>33.690.541.997</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	68.418.600	1.251.624.847
+ <b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>68.418.600</b>	<b>1.251.624.847</b>
Chi phí khác	44.400.000	1.251.624.847
Chi phí phạt	24.018.600	-
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>33.866.095.369</b>	<b>34.942.166.844</b>
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế được hưởng mức thuế suất ưu đãi	-	-
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất thông thường	33.866.095.369	34.942.166.844
- <b>Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6.773.219.074</b>	<b>6.988.433.368</b>
+ Thuế TNDN được áp dụng thuế suất ưu đãi	-	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (20%)	6.773.219.074	6.988.433.368

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 8 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	27.024.457.695	26.702.108.629
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	3.922.908.692	7.059.462.946
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong	28.499.764	28.499.764
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>811</b>	<b>689</b>

## 9 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	27.024.457.695	26.702.108.629
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	3.922.908.692	7.059.462.946
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong	28.499.764	28.499.764
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>811</b>	<b>689</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số liệu tạm trích, chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh sau đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY:

### 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

### 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp

## VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 . Những khoản nợ tiềm tàng và những thông tin tài chính khác:

1.1. Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty nhận được các Thông báo kết quả xét duyệt ngân sách của Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh cho các công trình thực hiện vào các năm 2013, 2014, 2015 và 2016 (giai đoạn trước cổ phần hoá thuộc doanh nghiệp nhà nước) đối với các công trình “Đặt hàng cung ứng SPDVCI công tác khoán quản lý, duy tu thường xuyên hệ thống đường bộ” bị cắt giảm với giá trị trước thuế tạm tính là 33.999.672.727 đồng. Công ty đã gửi các văn bản đề nghị các cơ quan chức năng hướng dẫn xử lý cụ thể để Công ty thực hiện, nhưng vẫn chưa có kết quả hướng dẫn cụ thể.

Việc bị cắt giảm doanh thu đã ghi nhận thuộc giai đoạn doanh nghiệp nhà nước của Công ty nêu trên có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Ngày 26/9/2022 Công ty nhận được công văn 2621/TTQLĐB-TCKT từ Trung tâm QLHTGT Đường Bộ v/v nộp hoàn ngân sách công tác duy tu thường xuyên hệ thống đường bộ năm 2012 và năm 2014 trên địa bàn Khu 1,2,3,4. Qua đó Trung tâm QLHTGT Đường Bộ đã thực hiện trích tiền ký quỹ đảm bảo chờ quyết toán của Công ty để nộp hoàn ngân sách cho các thông báo xét duyệt giảm năm 2012, 2014.

1.3. Ngoài ra công ty còn có các khoản quyết toán tăng chưa được Sở tài chính ghi vốn để thanh toán (theo thông báo kết quả kiểm toán Nhà Nước tại công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn số 709/TB-KV IV ngày 28/09/2018).

1.4. Chi phí cổ phần hóa được Hội đồng quản trị chấp thuận chia sẻ, xử lý chi phí cổ phần hóa chi vượt so với chi phí phê duyệt tại Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND TP là 156.381.600 đồng theo Nghị Quyết số 02 /NQ-HĐQT-CTGTSG ngày 22 tháng 01 năm 2021.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu:

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC	Cổ đông lớn

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Tiền lương Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
+ Tiền lương Tổng Giám đốc	408.000.000	408.000.000
+ Thù lao Ban kiểm soát	460.000.000	460.000.000
+ Thù lao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, phụ trách quĩ	433.200.000	433.200.000
Ông Huỳnh Minh Anh	138.000.000	138.000.000
Ông Hoàng Anh Giao	63.600.000	63.600.000
Ông Võ Anh Tú	63.600.000	63.600.000
Ông Trần Thanh Hưng	63.600.000	63.600.000
Ông Nguyễn Danh Thụ	63.600.000	63.600.000
Bà Đỗ Thị Thùy Linh	40.800.000	40.800.000
<b>Tổng</b>	<b>1.301.200.000</b>	<b>1.301.200.000</b>

b. Bên liên quan khác

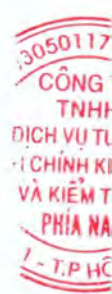
Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan - Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC		
- Phải trả tiền cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên	11.032.350.000	16.744.035.000
- Nộp lại phần lợi nhuận năm 2012 theo biên bản làm việc ngày 20/07/2022	1.674.022.466	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2022 theo NQ số 19/HĐQT	5.586.000.000	-

Tại ngày 31/12/2022, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan - Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC		
- Lợi nhuận còn lại của năm 2012	-	1.674.022.466
- Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2022	5.586.000.000	-

4. Số công nhân viên tại thời điểm báo cáo : 501 người



**5. Quỹ lương, thù lao:**

Quỹ tiền lương, lương bổ sung khác và thù lao của Ban Quản trị Công ty được thực hiện năm 2022 căn cứ các Biên bản họp và Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

<b>Phòng, Ban</b>	<b>Công văn</b>	<b>Ngày</b>	<b>Quỹ lương</b>
<b>5.1 Công ty mẹ</b>			<b>102.176.774.724</b>
Lương, thưởng Ban điều hành Công ty	05/NQ-HĐQT	21/04/2022	2.240.400.000
Thù lao HĐQT, Ban KS và thư ký HĐQT	01/NQ-HĐQT	26/04/2022	894.000.000
Tiền lương, bổ sung khác người lao động	23/BB-CTGTSG	20/02/2023	99.042.374.724
<b>5.2 Công ty con</b>			<b>530.100.000</b>
Lương cán bộ công nhân viên Công ty			530.100.000
<b>Cộng</b>			<b>102.706.874.724</b>

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

TP.HCM, Ngày 17 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
<b>Đỗ Thị Kim Phượng</b>	<b>Phan Thị Tú Trinh</b>	<b>Hoàng Anh Giao</b>

